TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2020
"*V/v: Hôn nhân và Gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hồng Đào và bà Nguyễn Thị Hồng Bắc.
Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Trung D**, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Khu ĐT, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, có mặt.
Bị đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Khu ĐT, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn anh Bùi Trung D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009 anh cùng chị Đỗ Thị T kết hôn tại UBND xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn chị T bỏ đi làm ăn. Kể từ thời điểm đó anh chị sống ly thân đến nay không còn tin tức gì về chị T, anh đã đề nghị Toà án huyện TS, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc dân sự yêu cầu tuyên bố chị Đỗ Thị T mất tích theo quy định. Nay anh có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị T.

Về con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình chung sống anh với chị T có một con chung Bùi Khánh L, sinh ngày 21/11/2009. Từ khi chị T bỏ đi cháu L ở cùng anh, khi ly hôn anh D xin được nuôi dưỡng con chung, tiền cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía Bị đơn chị Đỗ Thị T vắng mặt: Ngày 27/6/2019 anh D có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc dân sự yêu cầu tuyên bố chị T mất tích. Đến ngày 02/12/2019 Toà án nhân dân huyện TS đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-VDS tuyên bố chị Đỗ Thị T mất tích theo quy định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 3 Điều 173; điểm a,b,c khoản 2 và khoản 3 Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét về hôn nhân thực tế của anh D; chị T là không còn khả năng duy trì hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh D được ly hôn chị T là phù hợp.

Về con chung: Anh D có một con Bùi Khánh L, sinh ngày 21/11/2009 hiện đang ở cùng anh D và nguyện vọng của cháu là được ở cùng với Bố nên cần giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Khánh L là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung; công nợ và công sức: Anh D không đặt ra giải quyết và chị T không có mặt nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì có thể khởi kiện vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về trình tự, thủ tục tố tụng**: Anh D có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ cho anh xin được ly hôn với chị T cùng địa chỉ với anh D tại xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

[2] **Về việc vắng mặt Bị đơn**: Tại phiên tòa ngày hôm nay Bị đơn chị T vắng mặt, tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 3 Điều 173; điểm a,b,c khoản 2 và khoản 3 Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Năm 2009 anh D; chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn. Sau khi kết hôn được 02 năm chị T rời địa phương để đi làm ăn dẫn đến việc ly thân từ đó đến nay. Kể từ thời điểm ly thân, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau, không còn thông tin liên lạc với nhau. Đến ngày 27/6/2019 anh D có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc dân sự yêu cầu tuyên bố chị T mất tích. Đến ngày 02/12/2019 Toà án nhân dân huyện TS đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-VDS tuyên bố chị Đỗ Thị T đến nay không có thông tìn gì về chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh D; chị T là không thể đạt được. Bởi vậy, Hôi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D xử cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị T là phù hợp.

[3] **Về con chung**: Anh D; chị T có một con Bùi Khánh L, sinh ngày 21/11/2009 hiện đang ở cùng anh D và nguyện vọng của cháu là được ở cùng với Bố nên cần giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Khánh L là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con chung**: Do anh D không yêu cầu và chị T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] **Về tài sản chung; công nợ và công sức**: Do anh D không yêu cầu và chị T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Nếu sau này các đương sự có yêu thì có thể khởi kiện vụ án theo quy định.

[6] **Về án phí**: Anh D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, khoản 1; 2 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.**Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho anh Bùi Trung D được ly hôn chị Đỗ Thị T.

2.**Về nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung**: Giao anh Bùi Trung D trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Bùi Khánh L, sinh ngày 21/11/2009, kể từ tháng 3 năm 2020 đến khi thành niên, lao động tự túc được. Chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.**Về tài sản chung; công nợ và công sức**: Do anh D không yêu cầu và chị T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu thì có thể khởi kiện vụ án theo quy định.

4.**Về án phí**: Anh Bùi Trung D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Phú Thọ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số 0000829, ngày 24/12/2019.

5. **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm; Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ Bản án hoặc bản án được niêm iết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã TC, huyên TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí